

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Đối với các vật tư: Xi măng; Cát; Đá; Thép các loại; Gạch các loại; Đá Granit; Sơn các loại; Cửa khung nhôm; Cửa; Thiết bị, vật tư điện, nước, vệ sinh các loại; Ngói; Trần; Tole các loại; Thiết bị, vật tư phòng cháy chữa cháy, chống sét; Lan can inox;	Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp (kèm giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp). Bảng chủng loại vật tư phù hợp, không đề xuất tương đương.	Đạt
	Không có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp. Không có bảng chủng loại vật tư phù hợp hoặc đề xuất tương đương không rõ ràng.	Không đạt
1.2. Các loại vật liệu khác.	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc.	Đạt
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc.	Không đạt
Kết luận	Cả 02 tiêu chuẩn đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn được xác định là không đạt.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp. Kèm theo bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công chi tiết thể hiện rõ đặc điểm và vị trí công trình.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp hoặc không kèm theo bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công hoặc không đúng chi tiết thực tế công trình.	Không đạt
2.2. Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công.	Không đạt
2.3. Thi công các hạng mục chính: Khối	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng khu đất xây dựng công trình (phù hợp với	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	thiết kế bản vẽ thi công được duyệt).	
nhà chính và các hạng mục phụ trợ.	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Cả 03 tiêu chuẩn đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, trách nhiệm các bộ phận.	Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của: Chỉ huy trưởng, cán bộ kỹ thuật, kế toán - vật tư, an toàn, các tổ đội thi công.	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3.2. Biện pháp tổ chức thi công: - Công tác chuẩn bị, định vị và bố trí mặt bằng; - Thi công phần móng; - Thi công phần xây dựng; - Thi công phần điện; nước, PCCC; - Thi công các hạng mục phụ trợ;	Có thuyết minh biện pháp thi công và kèm theo bản vẽ đầy đủ biện pháp thi công chi tiết phù hợp theo dự toán được duyệt kể từ lúc khởi công đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng đảm bảo tiến độ thi công đề xuất của nhà thầu.	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3.3. Biện pháp thi công: Hoàn thiện mặt bằng, dọn dẹp vệ sinh và bàn giao công trình	Có thuyết minh biện pháp đầy đủ và chi tiết, có tính khả thi.	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3.4. Biện pháp sửa chữa, khắc phục hư hỏng công trình lân cận trong quá trình thi công.	Có thuyết minh biện pháp đầy đủ và chi tiết, có tính khả thi.	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Cả 04 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công	- Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 360 ngày, có tính đến điều kiện thời tiết. - Nhà thầu phải lập biểu đồ tiến độ thi công, biểu đồ nhân lực, biểu đồ bố trí máy móc thiết bị thi công chi tiết của từng công việc theo bảng kê hạng mục công việc (Mẫu số 01A) và phải phù hợp với biện pháp thi công, định mức xây dựng, điều kiện thực tế tại công trường, định mức xây dựng và phải đáp ứng yêu cầu cụ thể như sau: + 90 ngày sau khi khởi công, thi công hoàn thành đạt $\geq 25\%$ giá trị dự thầu. + 180 ngày sau khi khởi công, thi công hoàn thành đạt $\geq 50\%$ giá trị dự thầu. + 270 ngày sau khi khởi công, thi công hoàn thành đạt $\geq 75\%$ giá trị dự thầu. + 360 ngày sau khi khởi công, thi công đạt 100% giá trị phần việc xây lắp trong bảng tổng hợp giá dự thầu và hoàn thành các phần việc theo hợp đồng (trừ nghĩa vụ bảo hành).	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên	Không đạt
4.2. Tính phù hợp:	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 3 nội dung a), b) và c), phù hợp với biện pháp thi công đã đưa ra.	Đạt
a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công.	Đề xuất không đủ 3 nội dung a) b) và c. Không có biểu tiến độ huy động thiết bị, nhân lực và vật tư hoặc biểu tiến độ huy động không phù hợp.	Không đạt
b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công.		
c) Giữa bố trí vật tư và tiến độ thi công.	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi, chi tiết từng hạng mục và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT, phù hợp với biện pháp thi công đã đưa ra.	Đạt
4.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT		Không đạt
Kết luận	Cả 03 tiêu chuẩn đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn được xác định là không đạt.	Không đạt

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công công trình.	- Có hệ thống quản lý chất lượng trong đó quy định trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân liên quan đến quản lý công trình. - Có biện pháp bảo đảm chất lượng đầy đủ các hạng mục chính hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc không đáp ứng một trong các yêu cầu trên.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
Kết luận	Cả 02 tiêu chuẩn đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn được xác định là không đạt.	Không đạt

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
6.4. Giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung		
Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung trong quá trình thi công	Có phương án giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung trong quá trình thi công tránh ảnh hưởng tới môi trường làm việc, sinh hoạt xung quanh công trình.	Đạt
	Không có phương án giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi, rung trong quá trình thi công.	Không đạt
Kết luận	Cả 04 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

7. Bảo hành và Uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng
7.1. Bảo hành		
Thời gian Bảo hành	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
7.2. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự và thực hiện các hợp đồng tương tự (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu).	- Không có hợp đồng chậm tiến độ, bị phạt chậm tiến độ, bỏ dở hoặc vi phạm về chất lượng công trình do lỗi của nhà thầu. - Nhà thầu không bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng. - Nhà thầu không bị đánh giá về uy tín khi tham dự các gói thầu tương tự theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên	Không đạt
Kết luận	Cả 03 tiêu chuẩn đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn được xác định là không đạt.	Không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 được đánh giá là “Đạt”. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là “Không đạt” và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Ghi chú: Trước khi tiến hành ký kết hợp đồng. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu đối chiếu nhân sự và thiết bị thực tế hoặc trực tuyến để kiểm tra tính sẵn sàng huy động nhân sự của nhà thầu (bao gồm nhân sự thuộc biên chế của nhà thầu và nhân sự huy động) và thiết bị của nhà thầu (bao gồm thiết bị của nhà thầu và thiết bị thuê). Khi đó nhà thầu bắt buộc phải có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra nhân sự và thiết bị tại địa điểm kê khai theo HSDT khi có yêu cầu của Chủ đầu tư. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.